**Chương nhập môn:**

**ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

1. Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng.

2. Lịch sử Đảng phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam

3. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam*  do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới.

4. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

**II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có những điểm cần nhấn mạnh.

***1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng***

*- Chức năng nhận thức*

*- Chức năng giáo dục*

*- Chức năng* *dự báo* và *phê phán*

***2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng***

Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học lịch sử Đảng.

- Nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng.

- Nhiệm vụ rất quan trọng và làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử.

- Nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam.

- Nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn.

**III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn họcLịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

***1. Phương pháp luận sử học***

- Phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật.

- Trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng.

***2. Các phương pháp cụ thể***

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp khác trong nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội.

**Chương 1**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI**

**VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN**

**(1930 - 1945)**

|  |
| --- |
| **I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)**  **1. Bối cảnh lịch sử**  ***a. Tình hình thế giới***  Từ nửa sau thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và chính sách tăng cường xâm lược, áp bức các dân tộc thuộc địa. Các nước phương Tây đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa ở các nước chấu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.  Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại chống lại giai cấp tư sản ở chính quốc thì phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chống tư bản, thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước chấu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.  Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thành công có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh giai cấp vô sản với các nước tư bản còn tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.  Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản, do Lênin đứng đầu được thành lập, trở thành tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản đã vạch ra đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản và hoàn thiện chiến lược sách, sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bên cạnh đó là sự tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào cách mạng vô sản phát triển. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua luận cương về dân tộc và thuộc địa do Lênin khởi xướng.  Cách mạng Tháng Mười và hoạt động của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.  ***b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng***  *Tình hình Việt Nam*  Việt Nam là nước nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng ở chấu Á, bởi vậy cũng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dan Pháp. Trong bối cảnh chế độ phong kiến Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, ngày 1- 9 -1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng.  Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng. Đến ngày 6 -6-1984, với Hiệp ước Patonot Việt Nam đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp. Việt Nam chính thức mất đi quyền tự do, độc lập và trở thành thuộc địa của Pháp.  *Chính sách cai trị của thực dân Pháp:*  Về chính trị: Thực dân Pháp tiến hành xâu dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp*.  Về kinh tế: Pháp tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) và cuộc khai thác thuộc địa lần hai (1919 – 1929). Thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.  Về văn hoá: Pháp thực hiện chính sách giáo dục “ngu dân”, lập nhà tù nhiều hơn trường học, duy trì tệ nạn xã hội, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đàu độc người dân Việt Nam. Ra sức tuyên truyền “khai hóa văn minh” của Pháp,...  *Tình hình phân hóa giai cấp:*  Chính sách áp bức về chính trị, bóc lột kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó thái độ chính trị khác nhau đối với tình hình đất nước.  Giai cấp địa chủ: là giai cấp bị phân hóa sâu sắc một bộ phận địa chủ cấu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp; Một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc tham gia vào phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; Một số lãnh đạo phong trào nông dân chống Pháp và chế độ phong kiến; Một bộ phận nhỏ chuyển sang làm kinh doanh đi theo con đường tư bản.  Giai cấp nông dân: chiếm số lượng đông đảo (khoảng 90% dân số) bị bóc lột nặng nề, họ có tinh thần đấu tranh kiên cường, là lực lượng đông đảo không thể thiếu được của cách mạng.  Giai cấp công nhân: được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa của Pháp. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm nổi bật: ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, lực lượng còn ít nhưng đã sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, là giai duy nhất có sứ mệnh và khả năng lãnh đạo cách mạng đi đến thành công.  Giai cấp Tư sản: là giai cấp xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một số bộ phận thì theo thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Vì vậy, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.  Tầng lớp tiểu tư sản: bao gồm những tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,... bị Pháp chèn ép, khinh miệt do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.  *Mâu thuẫn xã hội*: bên cạnh những mâu thuẫn vốn có trong xã hội phong kiến (địa chủ - nông dân) thì bây giờ xã hội Việt Nam xuất hiện thêm những mâu thuẫn mới do chính sách cai trị của Pháp đem lại (tư sản - công nhân). Trong đó mâu thuẫn toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.  *\* Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng*  Ngay từ khi Pháp xâm lược Việt Nam, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp.  Phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng ứng phong trào cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Hương Khê (Hà Tĩnh),…diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) với sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám đã đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp trong gần 30 năm.  Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước chịu ảnh hưởng trào lưu dân chủ tư sản. Tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh. Sau đó là phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo.  Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo và chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản. Tiêu biểu như phong trào Đông Du, đưa sinh viên sang Nhật học. Đến năm 1908, Nhật và Pháp cấu kết với nhau trục xuất những thanh niên Việt Nam về nước và phong trào đã thất bại. Năm 1912, Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội nhằm khôi phục đất nước. Năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt, phong trào cách mạng đến đây là chấm dứt.  Xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh: ông không tán thành xu hướng bạo động của Phan Bội Châu. Phan Châu Trinh chủ trương cải cách đất nước, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Phan Châu Trinh đã đề nghị Pháp tiến hành cải cách, điều này cho thấy Cụ đã không nhìn rõ bản chất của thực dân.  Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: trong bối cảnh mâu thuẫn toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đấu tranh. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên ở Bắc Kỳ là Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dan Pháp, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản,…Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) được xem như là sự nỗ lực cuối cùng của tổ chức này.  Tất cả các phong trào yêu nước đều thể hiện và cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước của Việt Nam. Tuy vậy các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều thất bại.  Nguyên nhân thất bại: Do hạn chế về giai cấp, đường lối chính trị, hệ thống tổ chức thiếu chặt chẽ, phương pháp cách mạng và lực lượng cách mạng chưa đủ mạnh nên dẫn đến thất bại.  Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử cáp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc. |
| **2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng**  ***a. Nguyễn Ái Quốc xác định con đường giải phóng dân tộc***  Với yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc, với nhiệt huyết cứu nước, tháng 6-1911 Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm đường cứu nước.  Năm 1917,thắng lợi củ Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của Nguyễn Tất Thành từ đó Người tìm hiểu về Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I.Lênin  Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị Vecxay (Pháp), Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân Nam. Tuy nhiên những yêu sách đó đã không được Hội nghị đáp ứng, từ đó Người hiểu rõ hơn về bản chất của đế quốc, thực dân.  Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Người hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba.  Tháng 12-1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập QTCS và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Người đã đến với chủ nghĩa Mác Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản.  ***b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng***  *+ Về tư tưởng:* Người tích cực viết báo, các tờ báo như Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống công nhân, đặc biệt là tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” để tố cáo, lên án bản chất áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với các nước thuộc địa. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, giai cấp công nhân. Đồng thời Người tiến hành tuyên truyền về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo lý luận Mác - Lênin.  + *Về chính trị:*  Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Đường lối chính trị của Ddảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh púc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền lợi cho nhân dân.  Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau.  Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: đối với các dân tộc thuộc địa nông dân là lực lượng đông đảo nhất, họ bị đế quốc, phong kiến bóc lột nặng nề. Vì vậy, nông dân được xem là động lực của cách mạng.  Về Đảng Cộng sản, Người cho rằng: “Cách mạng trước hết hải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.  *+ Về tổ chức:*  Tháng 2-1925, Nguyễ Ái Quốc lập ra nhóm “Cộng sản Đoàn”  Tháng 6-1925,Người sáng lập “*Hội Việt Nam cách mạng thanh niên”*. Hội ra tờ báo “*Thanh niên”* Đây là bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.  Hội đã xuất bản tờ báo Thanh niên để tuyên truyền mục đích của Hội, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lenin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam.  Năm 1927, xuất bản cuốn “Đường Kách Mệnh”, tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc. Tác phẩm chỉ rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đáu tranh của cách mạng. Những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.  Năm 1926, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên phát triển cơ sở trong nước, các kỳ bộ được thành lập trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Những năm 1928-1929, phong trào yêu nước, phong trào công nhân diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng cách mạng vô sản. Điều đó đã thúc đẩy sự ra đời của các Đảng Cộng sản.  **3. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**  ***a. Các tổ chức cộng sản ra đời***  Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Từ đó dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản:  - Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929): đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội) quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Lấy cờ đỏ búa liềm làm Đảng Kỳ và xuất bản báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận  - Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ ở Nam Kỳ, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập tại Khánh Hội (Sài Gòn), quyết định xuất bản Tạp chí Bonsovich.  - Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9-1929) được ra đời dựa trên hoạt động của Tân Việt cách mạng Đảng ở Trung Kỳ.  Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam.  ***b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam***  Hội nghị hợp nhất đảng tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 6-1-1930. Thành phần dự Hội nghị gồm có: 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc - đại biểu của Quốc tế Cộng sản, tiến hành Hội nghị hợp nhất Đảng.  Ngày 24-2-1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã xin gia nhập, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất đã được hoàn thành.  Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt*, *Chương trình tóm tắt*, *Điều lệ vắn tắt* của Đảng.  ***c. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng***  *Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng*: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.  *Xác định nhiệm vụ yếu chủ trước mắt của cách mạng*: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.  Về phương diện xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa,...  Về phương diện kinh tế: thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thâu hết sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng,...) của tư bản đế quốc Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ,...  *Xác định lực lượng cách mạng*: động lực chính là giai cấp công nhân và nông dân, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo. Ngoài ra phải lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên...về phía cách mạng. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.  *Xác định phương pháp tiến hành cách mạng*: con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn canh nào cũng không được thỏa hiệp.  *Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế:* cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Liên hệ với giai cấp vô sản thế giới nhất là giai cấp vô sản Pháp.  *Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng:* Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản và phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.  Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đản đã phản ánh rõ những đặc điểm của xã hội Việt Nam trong những năm thế kỷ XX, chỉ rõ được những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt là đánh giá đúng thái độ các giai cấp xã hội đối với nhiệm vụ dân tộc. Từ đó, xác định được phương pháp, nhiệm vụ, lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đề ra.  **4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam**  Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào cộng sản Việt Nam.  Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.  Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của cách mạng Thế giới. |
| **II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930 - 1945)**  **1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935**  ***a. Phong trào cách mạng 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930****)*  - Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ảnh hướng đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Thực dân Pháp tăng cường bóc lột, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp ngày càng gia tăng.  - Trên khắp cả nước đều có sự đấu tranh, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp, như nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm Bến Thủy,…  - Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức Đảng đã nắm quyền quản lý mọi mặt đời sống của nhân dân, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các ủy ban tự quản theo kiểu Xô viết.  - Khi chính quyền Xô viết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp khốc liệt. Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt.  - Mặc dù thất bại nhưng phong trao 1930-1931, đã khẳng định năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản. Cao trào cũng để lại những kinh nghiệm quý báu.  ***Luận cương Chính trị tháng 10-1930.***  + Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.  + Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương: Tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa đấu tranh thẳng lên con đường XHCN.  + Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến, thực hành triệt để thổ địa cách mạng; đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó thổ địa cách mạng là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền.  + Về lực lượng cách mạng: giai cấp vô sản và nông dân là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó vô sản là động lực mạnh và chính.  + Về lãnh đạo cách mạng: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”,  + Về phương pháp cách mạng: Phải dùng võ trang bao động và theo khuôn phép nhà binh.  + Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.  Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam. Luận cương chưa chỉ rõ được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam, chưa nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nguyên nhân có sự hạn chế đó là do chưa nhận thức đầy đủ về thực tiễn cách mạng Việt Nam và chịu ảnh hưởng của tư tưởng ta khuynh.  ***b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất của Đảng (3-1935)***  Ngày 18-4-1931, đồng chí Trần Phú bị địch bắt. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố ngày càng dữ dội do đó cách mạng bị tổn thất nặng nề từ tư tưởng cho đến lực lượng. Rất nhiều các chiến sĩ cách mạng của ta bị thực dân Pháp bắt làm tù binh.  Trước tình hình đó, Đảng chủ trương khôi phục tổ chức đảng:  + Các chiến sĩ trong nhà tù đấu tranh anh dũng.  + Đầu năm 1932, Đảng ban bố *Chương trình hành động* của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng đã vạch ra nhiệm vụ trước mắt là khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng.  + Đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng và phong trào quần chúng được phục hồi.  + Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt: 1. Củng cố và phát triển Đảng, 2. Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3. Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh,...  Đại hội đánh dấu sự hồi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.  **2. Phong trào dân chủ (1936-1939)**  ***a. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng***  *Tình hình thế giới:*  - Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và chuẩn bị chiến tranh chia lại thị trường.  - Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) xá định:  + Kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa phát xít.  + Nhiệm vụ trước mắt là chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh phát xít.  + Các Đảng cộng sản cần thống nhất lực lượng, lập mặt trận nhân dân rộng rãi, mặt trận có tầm quan trọng đặc biệt với các nước thuộc địa, nửa thuộc địa.  *Tình hình trong nước:*  - Thực dân Pháp tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân ta.  - Người dân Việt Nam đều mong muốn có cái cách dân chủ để thoát khỏi tình trạng do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra.  - Mâu thuẫn dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp ngày càng đẩy lên cao.  Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định nhiệm vụ là chống Phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.  Hội nghị Ban Cháp hành Trung ương Đảng tháng 3-1938 nhấn mạnh: thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất là nhiệm vụ trung tâm của Ddảng trong giai đoạn hiện tại.  ***b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình***  Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh thể hiện trong các Hội nghị lần thứ hai (7-1936), lần thứ ba (3-1937), lần thứ tư (9-1937), lần thứ năm (3-1938)...  + Về kẻ thù: bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.  + Nhiệm vụ trước mắt: đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình.  + Về lực lượng: Lập mặt trận nhân dân phản đế.  + Về đoàn kết quốc tế: đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, Đảng cộng sản Pháp và Mặt trận nhân dân Pháp.  + Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: kết hợp công khai nửa công khai, hợp pháp nửa hợp pháp, chú ý củng cố và tăng cường ttỏ chức và hoạt động bí mật.  - Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ  Thể hiện trong văn kiện "Chung quanh vấn đề chiến sách mới" công bố 10-1936  + Cuộc dân tộc giải phóng nhất định phải kết hợp chặt với cuộc cách mạng điền địa.  + Tuỳ tình hình mà xác định vấn đề nào trước, vấn đề nào sau.  Theo sáng kiến của Đảng, Hội truyền bá Quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1927 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.  Hội nghị Trung ương Đảng (30-3-1938) quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp lực lượng.  Tháng 3-1939, Đảng ra bản "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Động Dương đối với thời cuộc", kêu gọi các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động hơn nữa.  Tháng 7-1939, Nguyễn Văn Cừ xuất bản tác phẩm "Tự chỉ trích" nêu những vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng Đảng. |
| **3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945**  ***a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng***  - Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ 1- 9-1939, hai ngày sau Pháp lao vào vòng chiến.  - Tình hình trong nước: ở ba nước Đông Dương, Pháp thực hiện chính sách thống trị thời chiến.  + Về chính trị: thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật.  + Về kinh tế: thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy.  + Về quân sự: thực hiện chính sách tổng động viên.  + Ngày 22- 9-1940, Nhật vào Đông Dương, nhân dân ta chịu cảnh "một cổ hai tròng".  *Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược:*  Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11- 1939) đã phân tích tình hình và chỉ rõ con đường cách mạng lúc này là con đường đánh đổ đế quốc Pháp. Hội nghị nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đưa lên hàng đầu. Hội nghị cũng chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai.  Sau hơn một tháng khi Nhật vào Đông Dương, Hội nghị Ban Chấp hànhTrung ương lần thứ 7 (11-1940) cho rằng: “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”. Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.  Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quôc về nước, Người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hànhTrung ương lần thứ 8 (5-1941). Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:  *Thứ nhất*, nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp - Nhật.  *Thứ hai*, khẳng định dứt khoát rằng: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thế dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”.  *Thứ ba*, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết bà dân tộc chống kẻ thù chung.  *Thứ tư*, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”.  *Thứ năm*, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ.  *Thứ sáu*, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.  *Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.*  - Về lý luận.  + Góp phần hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.  + Khắc phục được những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.  - Về thực tiễn.  + Phù hợp với điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể.  + Thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng lên cao.  ***b. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang***  Sau khi phát xít Nhật tiến vào nước ta khiến cho tình hình cách mạng nước ta ngày càng khó khăn hơn. Các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra dưới sự lãnh đạo của Đảng chống lại phát xít và thực dân như cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là báo hiệu cho sự đấu tranh bằng vũ trang.  Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập, để đáp ứng nguyện vọng cứu nước của đồng bào ta.  Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.  Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng. Đây được xem là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng.  ***c. Cao trào kháng Nhật cứu nước***  Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ở Đông Dương ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính Pháp cướp chính quyền.  Đứng trước tình hình đó Đảng ta đã phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước: Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”* (12-3-1945). Chỉ rõ bản chất của cuộc đảo chính là tranh giành lợi ích giữa Nhật - Pháp.  - Xác định kẻ thù: kẻ thù duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật  - Khẩu hiệu: “đánh đuổi phát xít Nhật”, “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.  - Chủ trương phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.  - Phương châm đấu tranh là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.  - Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận.  + Từ tháng 3-1945 trở đi, cao trào Kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Ta giải phóng được nhiều xã, châu, huyện ở các địa phương như Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Quảng Ngãi…  + Ngày 16- 4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chi thị về việc tổ chức Uỷ ban giải phóng Việt Nam.  + Tháng 5 và 6-1945 khởi nghĩa từng phần nổ ra mạnh mẽ ở cả 3 miền.  Ngày 4 - 6 - 1945 khu giải phóng chính thức được lập ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang và một số vùng lân cận như Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên… với khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã ủng hộ người dân đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Uỷ ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước.  Lực lượng tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước không chỉ có sự tham gia đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, học sinh,... còn có tư sản dân tộc và một số địa chủ tham gia cách mạng.  Với cao trào kháng Nhật cứu nước cho thấy lực lượng cách mạng được tăng cường, căn cứ địa cách mạng được mở rộng điều đó được xem là cơ sở để Đảng cùng toàn dân ta thực hiện cuộc tổng khởi nghĩa.  ***d. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền***  Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc. Phát xít Đức đầu hàng quân Đồng Minh. Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hang quân Đồng Minh không điều kiện ngày 15-8-1945 Chính quyền do Nhật dựng lên ở Đông Dương hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng của toàn thể Đảng và nhân dân ta đã tới.  Đứng trước tình hình đó, *Hội nghị toàn quốc* (từ 14 đến 15- 8- 1945) đề ra những phương án tiến hành tổng khởi nghĩa.  - Hội nghị nhận định tình hình và quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa.  - Nêu khẩu hiệu: Phản đối xâm lược, Hoàn toàn độc lập.  - Nguyên tắc khởi nghĩa: tập trung, thống nhất, kịp thời…  - Phương hướng hành động: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hang trước khi đánh.  - Nêu những chính sách quan trọng về đối nội và đối ngoại.  Ngày 16-8-1945, *Đại hội quốc dân* họp tại Tân Trào thông qua chủ trương tổng khởi nghĩa, Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh, lập Uỷ ban dân tộc giải phóng…  Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khởi nghĩa lần lượt giành thắng lợi trên cả nước.  - Ngày 18-9-1945, Mặt trận Việt Minh tiếp quản chính quyền ở Hà Nội.  - Ngày 23-8-1945, Uỷ bản khởi nghĩa Thừa Thiên Huế huy động quần chúng giành chính quyền.  - Ngày 25-8-1945, Xứ ủy Nam Kỳ đã cùng quần chúng nhân dân giành chính quyền tại Sài Gòn.  Cách mạng Tháng Tám đã thành công vang dội. Vào ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại quảng trường Ba Đình khai sinh ra nước *Việt Nam dân chủ Cộng hòa.* Đây được xem là bước ngoặt lịch sử đối với nước ta, thể hiện tinh thần chiến đấu và ý chí giữ gìn nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.  **4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945**  ***a. Tính chất***  Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phòng dân tộc điển hình:  - Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc.  - Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đông đảo quần chúng nhân dân.  - Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc”.  Cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn. Xóa bỏ mọi sự áp bức, bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về tinh thần.  ***b. Ý nghĩa***  - Đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và ách thống trị của phát xít Nhật gần một thế kỷ. Lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm.  - Lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.  - Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ.  - Mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.  - Làm phong phú thêm kho tàng lý luận của CNMLN, cung cấp thêm kinh nghiệm cho phong trào giải phóng dân tộc và giành chính quyền.  - Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa, nửa thuộc địa.  ***c. Kinh nghiệm***  - Về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.  - Về xây dựng lực lượng, trên cơ sở khối liên minh công nông tập hợp lượng lượng đông đảo với tinh thần đại đoàn kết dân tộc.  - Về phương pháp cách mạng, thực hiện bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.  - Về xây dựng Đảng, một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động; dựa trên lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.  **Thảo luận**  1. Sự chuyển biến xã hội Việt Nam sau chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp?  2. Quá trình thành lập Đảng diễn ra như thế nào?  3. So sánh nội dung của Cương lĩnh đầu tiên và Luận cương chính trị của Đảng?  4. Sự phát triển nhận thức của Đảng ta qua Hội nghị TW 6-7-8 của Đảng? |

**Chương** 2

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)**

**I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 - 1954**

**1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946**

***a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám***

*-* Thuận lợi:

+ Quốc tế: Sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên Xô trở thành thành trì của CNXH. Nhiều nước ở Đông Trung Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn theo con đường CNXH. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ - La-tinh.

+ Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân ta được làm chủ. ĐCS trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Hệ thống chính quyền cách mạng thống nhất từ TW đến cơ sở

- Khó khăn:

+ Thế giới: Phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa trên thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng. Không nước nào trên thế giới công nhận địa vị pháp lý Nhà nước VNDCCH.

*+* Trong nước: hệ thống chính quyền còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ.

Ngày 02-9-1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, bắn vào cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân ta ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tháng 9-1945, theo sự thỏa thuận của phe Đồng Minh, 2 vạn quân đội Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp quân đôi Nhật. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng quân đội Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ sung gây hấn đánh chiếm Sài Gòn vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Ở vĩ tuyến 16, theo thỏa thuận hiệp ước Potsdam (Đức), từ cuối tháng 8-1945 hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ”, phá Việt Minh. Khoảng 6 vạn quân đội Nhật hoàng bại trận đang chờ giải giáp.

Chưa bao giờ trên đất nước ta có nhiều kẻ thù và đội quân nước ngoài đông như lúc này, tổng số khoảng gần 30 vạn tên. Nền độc lập của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng; vận mệnh chính quyền cách mạng như “ngàn cân treo sợi tóc”.

***b. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng***

- *Chủ trương*: Ngày 03-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945 BCHTW Đảng ra Chỉ thị *“Kháng chiến kiến quốc”*. Nội dung của Chỉ thị:

+ Xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào quần chúng.

+ Mục tiêu cách mạng của Đông Dương lúc này vẫn là giải phóng dân tộc và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”.

+ Xác định các biện pháp cụ thể cần thực hiện cấp bách trước mắt: xúc tiến bầu cử Quốc hội; thành lập chính phủ chính thức, lập ra hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế với phương châm cơ bản là “Thêm bạn, bớt thù”, “Hoa -Việt thân thiện”, “Nhân nhượng có nguyên tắc”...Đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”.

- *Xây dựng chế độ mới*:

+ Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Các phong trào lớn: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; lập hũ gạo tiết kiệm và phát động các cuộc vận động lớn Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến... Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ bị xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%; ngân quỹ quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam... Nhờ đó đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.

+ Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt, vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.

- *Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng*: Ngày 06-01-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử và có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên, đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần “mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù”. Ngày 09-11-1946 Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước VNDCCH.

***c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ***

- Sáng ngày 23-9-1945, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đề ra chủ trương hiệu triệu nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”, nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gậy tầm vông, giáo mác để chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp.

- Chính phủ Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945 những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường Nam tiến chi viện cho Nam Bộ.

- Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng ta chủ trương thực hiện chiến lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng. Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật, đồng ý cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng, cho sử dụng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương, bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt cách, Việt quốc…

- Ngày 28-2-1946 hiệp ước Hoa-Pháp được kí kết, theo đó Pháp đưa quân đội ra vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước hạn cuối cùng là ngày 31-3-1946. Đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam.

- Ngày 6-3-1946, Hiêp định sơ bộ được kí kết giữa Việt Nam và Pháp.

- Ngày 9-3-1946 Thường vụ TW Đảng ra Chỉ thị “Hòa để tiến”

- Ngày 14-9-1946 kí bản “Tạm ước” tại Mác-xây để nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa ở Việt Nam, hai bên kí cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán…

**2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950**

***a. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ***

- Cuối tháng 10-1946 tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng nguy cơ cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần.

- Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn tiếp đó là đóng chiếm trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào vùng tự do ở Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

- Ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công chiếm đóng trụ sở Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông của ta, bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh, Hàng Bún. Ngày 18-12-1946, đại diện Pháp ngang nhiên đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự của thành phố. Như vậy, đến đây thiện chí hòa bình của Chính phủ và Nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt.

- Ngày 12-12-1946, TW Đảng ra Chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban thường vụ TW Đảng họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông, phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “*thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.* Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ, ngày 19-12-1946, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành phố Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

- Ở các địa phương khác như Huế, Đà Nẵng, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh… quân và dân đồng loạt nổ sung tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở hạ tầng chiến tranh của địch.

***b. Đường lối kháng chiến của Đảng***

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được hình thành qua: Chỉ thị kháng chiến kiến quốc (25-11-1945); Chỉ thị tình hình và chủ trương (3-3-1946); Chỉ thị hòa để tiến (9-3-1946); Chỉ thị toàn dân kháng chiến (12-12-1946); Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946); Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh (8-1947).

- Tính chất của cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, chống lại chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp.

- Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn. Đây là hình thức tiếp tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc, dân chủ nhân dân vì nền tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

- Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến là:

+ Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân, động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đưởng phố là một mặt trận.

+ Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao trong đó mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định

+ Kháng chiến lâu dài là quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng của ta, lấy thời gian là lực lượng chuyển hóa yếu thành mạnh.

+ Kháng chiến dựa vào sức mình là chính phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân làm chỗ dựa chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến lên.

***c. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950***

- Cuối năm 1947, tổng số Đảng viên toàn Đảng tăng lên đến 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân, lực lượng dân quân tự vệ phát triển lên đến 1 triệu người. Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.

- Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân (lục quân, hải quân, không quân) thành 3 mũi tiến công chính lên vùng ATK Việt Bắc

- Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ TW Đảng đã ra Chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Chỉ thị nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường, trong đó chỉ rõ phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không cho địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân đồng loạt đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của địch cả trên mặt trận đường bộ và đường sông. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục (từ ngày 7-10 đến 21-12-1947) quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng oanh liệt, thông minh, sáng tạo, anh dũng tuyệt vời, lần lượt bẻ gãy các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

- Ngày 01-10-1949 nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) ra đời làm thay đổi cán cân so sánh lực lượng giữa hai phe dân chủ và tư bản chủ nghĩa, tạo ra lợi thế cho phong trào cách mạng thế giới. Nước Pháp khủng hoảng kéo dài, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương bế tắc, phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn nảy sinh, thế chiến lược của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

- Đảng tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện nhằm làm thất bại một bước âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh và kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp”.

- Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quân hệ ngoại giao với các nước trong phe XHCN. Đầu năm 1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc và Liên Xô, sau đó Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

- Tháng 11-1949, Hồ Chí Minh ban hành kí Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công”, phong trào thi đua “rèn cán, chỉnh quân”. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta hơn hẳn địch, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội, Từ cuối năm 1950 Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng mắc sai lầm về tiêu chuẩn Đảng viên.

- Trong vùng địch tạm chiến, Đảng chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Tại nhiều địa phương quân và dân đã đánh phối hợp, phục kích có những chiến thắng giòn giã như trận La Ngà, Nghĩa Lộ (3-1948), Tầm Vu, Đông Dương (4-1948).

- Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm kiếm cơ hội thay thế Pháp.

- Tại Nam Bộ địch thực hiện chiến thuật “mạng nhện” xây dựng hệ thống tháp canh dầy đặc và gây nhiều khó khăn cho ta.

Từ giữa năm 1949, tướng Rơve (Pháp) đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa khóa chặt biên giới Việt Trung. Tháng 6-1950 ta mở chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn (Chiến dịch Viên giới Thu đông 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang mở rộng quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước XHCN.

**3. Đẩy mạnh cuốc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)**

***a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)***

- Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại thôn Chinh, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết.

- Hoàn cảnh lịch sử

+ Liên Xô lớn mạnh về mọi mặt, các nước XHCN ở Châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH. Nước CHND Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng

+ Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp Pháp can thiệp trực tiếp vào Đông Dương

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành những thắng lợi quan trọng, cách mạng ở Lào và Campuchia cũng có những bước chuyển tích cực

Do nhu cầu kháng chiến giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một Đảng riêng, Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam.

- Tại Đại hội II, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày bản báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH. Nội dung của bản Báo cáo được phản ánh trong “Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam” được Đại hội thông qua gồm các nội dung sau:

+ Tính chất cách mạng Việt Nam: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Đối tượng đấu tranh hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp, can thiệp Mỹ và phong kiến phản động.

+ Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam: đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng

+ Động lực của cuộc cách mạng được xác định gồm 4 giai cấp: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc ngoài ra còn có những thân sĩ và tầng lớp tiến bộ.

+ Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam nhất định sẽ tiến lên CNXH đây là quá trình lâu dài.

Điều lệ mới của Đảng được đại hội thông qua có 13 chương và 71 điều. Đại hội bầu BCHTW gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dụ khuyết. Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch Đảng. Đồng chí Trường Trinh được bầu lại làm Tổng Bí Thư.

Đại hội đã diễn ra thành công tuy nhiên cũng có những hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc

***b. Đẩy mạnh phát triển kháng chiến về mọi mặt***

- Từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Tháng 12-1951, ta mở chiến dịch Hòa Bình, và chiến dịch Tây Bắc Thu Đông 1952 nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá âm mưu “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp. Phát huy chiến thắng quân sự trong cả nước Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào giúp Chính phủ Thượng Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng căn cứ địa.

- Trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tháng 4-1952 Hội nghị BCHTW lần thứ ba của Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác “chỉnh Đảng, chỉnh quân”. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính.

- Từ đầu năm 1953 Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện cải cách dân chủ, phát động phong trào giảm tô giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất.

- Ngày 4-12-1953, tại kì họp thứ 3 Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất. Hàng nghìn hecta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần cố nông. Song, do còn hạn chế trong nhận thức việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, mệnh lệnh….

***c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến***

- Tháng 5-1953, Pháp cử tướng Hăngri Nava đang đảm nhiệm chức vụ Tổng tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên “Kế hoạch Nava”- dự kiến thực hiện trong 18 tháng nhằm chuyển bại thành thắng. Chi phí vật chất của kế hoạch này phần lớn do Mỹ thực hiện. Nava chọn Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch. Đầu 1954, Điện Biên Phủ trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một “pháo đài khổng lồ” không thể công phá” được giới quân sự, chính trị Pháp-Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Tháng 12-1953, Đảng xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường. Ngày 06-12-1953, Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy.

- Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, Đảng phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất. Hồ Chí Minh chỉ rõ: chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn dân, toàn quân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kì được”.

- Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc, đánh chắc thắng”, ngày 13-3-1954 quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu Bắc trung tâm Mường Thanh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm với 3 đợt tiến công lớn, vào hồi 17h30 phút chiều ngày 07-5-1954 quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Catơri chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập toàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang.

- Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ngày 08-5-1954 đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến hội nghị với tư thế một dân tộc chiến thắng. Tham dự hội nghị có các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng gay go, phức tạp trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp cấp trưởng đoàn. Song do so sánh lực lượng không thuận lợi cho cách mạng Đông Dương nên ta đồng ý chấp nhận kí kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21-7-1954.

- Trong quá trình diễn ra hội nghị Mỹ đã gây sức ép buộc Pháp chấp nhận đưa Ngô Đình Diệm về nước thay Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại nhằm xây dựng một chính quyền thân Mỹ thay thế chính quyền thân Pháp. Mỹ thúc đấy quyết tâm quá trình thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương. Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ kí của các bên (riêng phía đại diện Mỹ không kí nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định. Bản tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Camphuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lặp lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương.

**4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ**

***a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến***

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã bảo vệ và phát triển tốt các thành quả của cuộc cách mạng Tháng Tám, củng cố phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…

- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên CNXH, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

- Có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa bé nhỏ đã đánh thắng một cường quốc thực dân nên có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các nước châu Á, Phi, Mỹ Latinh.

***b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến***

Một là, đề ra đường lối đúng đắn sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ đầu. Đó là kháng chiến và kiến quốc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính tri-quân sự của cuộc kháng chiến.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực, mặt trận.

**II. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)**

**1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam Bắc 1954-1965**

***a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960***

*- Miền Bắc*

+ Quốc tế:

*Thuận lợi:* hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á, Châu Phi và Khu vực Mỹ La tinh tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

*Khó khăn:* đế quốc Mỹ có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng, chống lại hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc…

+ Trong nước: Miền Bắc đã được giải phóng, nhân dân mong muốn có một chế độ xã hội tốt đẹp, muốn thống nhất nước nhà. Các nước XHCN đồng tình ủng hộ và tích cực giúp đỡ miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội... *Khó khăn* làđất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của cách mạng Việt Nam, có âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Nền kinh tế miền Bắc cơ bản là nông nghiệp lạc hậu, phải thường xuyên đối phó với sự phá hoại và chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Đây là vừa là khó khăn vừa là *đặc điểm lớn nhất* của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH

+ Về đường lối đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Tháng 9-1954, *Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt* của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế...  *Hội nghị lần thứ bảy* (tháng 3-1955) và *lần thứ tám* (tháng 8-1955) BCHTW Đảng đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Với chủ trương và sự chỉ đạo kiên quyết, khéo léo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân, kẻ địch đã phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng Hiệp định. Ngày 10-10-1954, ta giải phóng, tiếp quản Thủ đô Hà Nội, ngày 30-10-1954 tiếp quản Thị xã Hải Dương, ngày 13-5-1954, tiếp quản thành phố Hải Phòng, ngày 22-6-1954, tên lính viễn chinh cuối cùng của Pháp rời đảo Cát Bà, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Công tác *giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất* được tiếp tục đẩy mạnh.Đến tháng 7-1956, cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc nước ta đến đây bị xóa bỏ. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

*Hội nghị lần thứ mười* BCHTW Đảng (tháng 9-1956) công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương Đảng

Tháng 12-1957, *Hội nghị lần thứ mười ba* BCHTW Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới, đưa miền Bắc chuyển sang thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. *Hội nghị lần thứ mười bốn* (11-1958) đã thông qua *kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo XHCN* đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960)*.* Hội nghị chủ trương tiến hành cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, kinh tế tư bản tư doanh thành kinh tế XHCN bằng cách chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất sang sở hữu tập thể XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể; củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, *Hội nghị lần thứ mười sáu* BCHTW Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp xác định hình thức và bước đi: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa. Ba nguyên tắc cần giải quyết trong xây dựng HTX là tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

*- Miền Nam*

Lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam với âm mưu biến miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa mới, chia cắt lâu dài Việt Nam, xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ Thống XHCN, biến miền Nam thành một mắt xích quan trọng trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống vùng này. Để thực hiện âm mưu đó Mỹ sử dụng nhiều thủ đoạn về kính tế, chính trị, quân sự, văn hóa nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng Hòa do Ngô Đình Diệm là Tổng thống.

Tháng 9 năm 1954, Nghị quyết Bộ chính trị nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở Miền Nam nêu rõ chế độ thống trị ở miền Nam là độc tài, phát xít, hiếu chiến. Nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng.

Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”. Với luật 10/59 đưa máy chém lê khắp miền Nam. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam càng thêm gay gắt.

Tháng 01-1959, Hội nghị TW lần thứ 15 đã ra quyết định cuộc cách mạng ở miền Nam là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân sử dụng bạo lực cách mạng. Thực hiện Nghị quyết 15 đường vận tải trên bộ mang tên đường 559 (thành lập 19-5-1959), trên biển mang tên đường 759 (thành lập 23-10-1959).

Ngày 17-01-1959 phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre bùng nổ do Nguyễn Thị Định lãnh đạo. Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng Khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

***b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965***

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, *Đại hội lần thứ III* của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chí Minhnêu rõ*: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”. Hồ Chí Minh* được bầu lại làm Chủ tịch Đảng, *Lê Duẩn* được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành.

*- Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, Một là,* đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc. *Hai là,* tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

*- Về mục tiêu chiến lược chung*, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

*- Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng* ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước

*- Về hòa bình thống nhất Tổ quốc*, Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

*- Về xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Đại hội xác định cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường XHCN và con đường TBCN trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiến tiến.

Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề trong có trong tiền lệ của lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ịch của nhân loại và xu thế của thời đại.

Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra và chỉ đạo kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965).

+ Ở miền Bắc, trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã *Đại Phong* (Lệ Thủy, Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí *Duyên Hải* (Kiến An, Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp *Thành Công* (Nga Sơn, Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II *Bắc Lý* (Lư Nhân, Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "*Ba nhất*" (cao nhất, nhanh nhất, đều nhất), v.v...Đặc biệt, phong trào "*Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt*".

Kế hoạch Năm năm lần thứ nhất (1961-1965) mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến 5-8-1964) thì phải chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

+ Ở miền Nam, từ năm 1961, do thất bại trong chiến tranh đơn phương, Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với công thức: cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa. Thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lâp 17.000 ấp chiến lược là “quốc sách”. Chiến lược quân sự được chúng sử dụng là “trực thăng vận và thiết xa vận”

Đầu năm 1962, Bộ Chính trị quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Để tăng cường sự lãnh đạo của TW Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961 TW Cục miền Nam được thành lập do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư.

Ngày 02-01-1963, với chiến thắng Ấp Bắc phong trào đấu tranh phá ấp chiến lược phát triển mạnh mẽ với phương châm “bám đất bám làng”, “một tấc không đi, một ly không rời”. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ thù ngày càng khủng hoàng trầm trọng. Ngày 01-11-1963 dưới sự chỉ đạo của Mỹ lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống chính quyền Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (đầu 1961 đến giữa 1965) đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở Miền Nam. Ba trụ cột của chiến lược này đều không thực hiện được.

**2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975**

***a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ của Đảng***

- Sau khi thất bại ở “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” - đây là một hình thức chiến tranh nằm trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” với biểu hiện đưa quân chiến đấu Mỹ và các nước Đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến đồng thời đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc.

***b. Xây dựng hậu phương chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Đế quốc Mỹ 1965-1968***

*- Ở miền Bắc:*Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Trước tình hình đó BCHTW Đảng xác định: Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng; Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất; Bốn là, kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Do bị thất bại nặng nề ở cả 2 miền Nam Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Chế độ XHCN đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh. Đời sống nhân dân căn bản được ổn định

*- Ở miền Nam,*Cuộc “Chiến tranh cục bộ” Mỹ tiến hành có quy mô lớn nhất, mạnh nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ Hai

Đầu mùa khô 1965-1966 Mỹ mở cuộc phản công vào 3 hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ. Quân dân ta đã có những trận thắng ở Núi Thành (5/1965), Vạn Tường (8-1965)…bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966.

Mùa khô 1966-1967, Mỹ mở cuộc tiến công lần thứ 2 nhằm hướng vào Tây Nguyên và Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân của địch đều bị bẻ gãy và thất bại nặng nề. Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta đã mở ra cho miền Nam những triển vọng lớn.

Đêm 30 rạng ngày 31-1-1968 đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy đợt 1 ở 4/6 thánh phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, thị xã; từ Đường 9 Khe Sanh đến Đồng Bằng Sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ ở Sài Gòn và Huế.

Trong các đợt tiến công tiếp theo vào tháng 5 và tháng 8-1968 hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ TW đến địa phương đều bị quân ta tiến công. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt khởi đầu đi đến quá trình thất bại hoàn thành của Mỹ, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị phá sản. Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại hội nghị Pari từ 13-5-1968.

***c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975***

- Miền Bắc: đã khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH. Những kết quả đạt được làm cho hậu phương miền Bắc được tăng cường cải thiện đời sống nhân dân, chi viện sức người, sức của cho miền Nam ngày càng cao.

Tháng 4-1972, đế quốc Mỹ cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 hết sức ác liệt nhất là cuộc rải bom bằng pháo đài B52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần 2 của đế quốc Mỹ thì trận 12 ngày đêm đã lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không” đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Ngày 15-1-1973, chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán ở Pari.

Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện.

*- Ở miền Nam:*

Từ đầu 1969 Tổng thống Mỹ Níchxơn đề ra chiến lược toàn cầu mới với ba nguyên tắc trụ cột: cùng chia sẻ, sức mạnh của Mỹ, sẵn sàng thương lượng; đây là một chiến lược mới mang tên “Việt Nam hóa chiến tranh”. Các biện pháp đưa ra: ra sức củng cố chính quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại, ráo riết thực hiện chương trình bình định, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu cho Việt Nam.

Hội nghị TW lần thứ 18 BCH Đảng (1-1970) đề ra chủ trương: lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn đẩy lùi chương trình “bình định” của địch. Trong năm 1970-1971 cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn nhằm làm thất bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh”.

Đầu 1970, Mỹ và quân ngụy Lào mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực Cánh Đồng Chum. Tháng 3-1970, Mỹ tiến hành đảo chính ở Campuchia nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược.

Năm 1971, quân và dân miền Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-ngụy. Cùng thời gian đó quân và dân ta phối hợp với quân dân Campuchia đạp tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971”.

Xuân hè 1972, quân ta mở cuộc tiến công từ hướng chủ yếu là Trị-Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, khu V, đồng bằng sông Cửu Long.

Việc kí kết Hiệp định Paris được kí kết ngày 27-1-1973, Mỹ chấp nhận rút khỏi Việt Nam nhưng đế quốc Mỹ vẫn âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài đất nước ta.

Tháng 7-1973, HN lần thứ 21 đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Cuối năm 1974 đầu 1975 quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (6-1-1975) giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long- chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay.

Bộ chính trị đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 bắt đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên, sau chiến thắng này Bộ chính trị ngày 18-3-1975 quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975. Ngày 26-3-1975 Huế được giải phóng, ngày 29-3-1975 Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi đó Bộ chính trị quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa với mệnh lệnh: thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa.

Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn-Gia Định bắt đầu. Sau 4 ngày đêm chiến đấu vào 11h30 phút ngày 30-4-1975 lá cờ chiến thắng được cắm trên dinh Độc Lập. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu giải phóng ở các địa phương còn lại đã kết thúc thắng lợi. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng, đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

**3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kì 1954-1975**

***a. Ý nghĩa***

Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên CNXH

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Làm suy yếu trận địa của CNĐQ, phá vỡ một vòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

***b. Nguyên nhân thắng lợi***

Sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam, sự đoàn kết, phấn đấu hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước. Nhờ sức mạnh của chế độ XHCN ở miền Bắc cả về chính trị, tinh thần và vật chất với tư cách là hậu phương lớn; kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam - Lào - Campuchia; sự giúp đỡ của các nước XHCN và sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

***c. Kinh nghiệm***

Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chi ủy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

**Thảo luận:**

1. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1954
2. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1954-1975
3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước
4. Những thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954-1975
5. Vai trò của quân dân miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975
6. Tác động của nội dung Đại hội III đến xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam

**CHƯƠNG 3**

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐÊNA NAY)**

**I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)**

**1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1981)**

***a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước***

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

Sau Hội nghị Hiệp thương chính trị (11-1975), ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của đất nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Sau kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã quyết định đặt tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nhiều vấn đề quan trọng khác.

Hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

***b. ĐHĐBTQ lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc 1976-1981***

*\* Đại hội lần thứ IV*

- Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức Quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Nam. Đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Nội dung:

+ Đại hội tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

+ Đại hội trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

+ Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng XHCN trong giai đoạn mới: nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm có đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế trong đó nổi bật là: đẩy mạnh CNH xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ,…

*+* Về phương hướng phát triển kinh tế và văn hóa (1976-1980): nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là đảm bảo nhu cầu đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

Ý nghĩa: Đại hội IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để xây dựng đất nước.

Hạn chế: Đại hội IV của Đảng còn bộc lộ một số những hạn chế: chưa phát hiện ra những khuyết điểm của mô hình chủ nghĩa xã hội bộc lộ sau chiến tranh. Việc ưu tiên công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế,…là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

*\* Quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc (1976-1981)*

*- Về kinh tế:*

+ Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm , sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, phá bỏ những hàng rào để cho “sản xuất bung ra”.

+ Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình chăm sóc và thu hoạch. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán.

+ Trong công nghiệp: Chính phủ ban hành Quyết định số 25- CP (1-1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp và Quyết định số 26-CP về mở rộng trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

*- Về chính trị:* tháng 9-1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Nghĩa Việt Nam và quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp.

*+ Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc:* sau 30 năm chiến đấu để bảo về Tổ quốc, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, Việt Nam đang đối mặt với những thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta. Các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc đã gây ra tình trạng bất ổn chính trị ở nước ta.

Tuy nhiên vào 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Với Trung Quốc, 19-4-1979 Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác để khôi phục hòa bình, quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

*Kết quả*: sau 5 năm quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ, bước đầu cải tiến kinh tế.

*Hạn chế:* Kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do đại hội đề ra. Gía cả thì tang vọt, phân phối rối ren. Đời sống nhân dân rất khó khăn.

*Nguyên nhân:* do xuất phát từ nền kinh tế thấp kém, chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó là sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn.

**2. ĐHĐBTQ lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986**

***a. ĐHĐBTQ lần thứ V và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội***

\* Đại hội Đảng lần thứ V

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những vấn đề sau: Mỹ tiếp tục thực hiện bao vây, cấm vận; các thế lực thù địch ra sức chống phá; tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, bên cạnh đó phân tích tình hình thuận lợi và khó khăn của đất nước, Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV đề ra.

- *Xác định nhiệm vụ cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ*: Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, trải qua nhiều chặng đường.

- *Xác định nhiệm vụ chiến lược Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới*: có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mất thiết với nhau.

- *Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên*: coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng và phát triển công nghiệp nặng cần làm có mức độ, vừa sức nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế nhất định đó là chưa quyết liệt trong việc thực hiện đường lối, chưa thấy sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa nhận thức rõ về nền kinh tế trường,...

***b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế***

Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6 - 1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong đổi mới kinh tế của Đảng. Chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba* về đổi mới kinh tế. Nội dung như sau:

*Về cơ cấu sản xuất*: chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bane và phát triển sản xuất. Cần điều chỉnh về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn về quy mô và nhịp độ cho phù hợp. Thực hiện ba chương trình về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

*Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*: cần nhận thức đúng đắn đặc trưng của thười kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi về chế độ sở hữu mà còn thay đổi về chế độ quản lý. Vì vậy không thể thực hiện trong thời gian ngắn.

*Về cơ chế quản lý kinh tế*: phát huy vai trò chủ đạo các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng quy luật quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Phân biệt chức năng quản lý của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, đảm bảo các quyền tập trung thống nhất của Trung ương, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Kết quả: Trong 10 năm đất nước được thống nhất, chúng ta đã thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất về mặt Nhà nước; đạt được những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm: đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn.

Nguyên nhân dân đến những khuyết điểm: hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh vân chưa được khắc phục; xây dựng đất nước trên nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu. Do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong cơ cấu kinh tế, chậm đổi mới cơ chế kinh tế.

**II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)**

**1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoàng kinh tế-xã hội 1986-1996**

***a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai phát triển mạnh mẽ; xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng CNXH. Khi đó, đất nước đang bị các nước đế quốc và thù địch bao vây; vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Với 1.129 đại biểu thay mặt cho 2.027.638 đảng viên cả nước và 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật” đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo của Đảng giai đoạn 1975 - 1986. Đây là *Đại hội đổi mới toàn diện*, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH.

Nội dung đường lối đổi mới toàn diện:

- Đánh giá đúng sự thật thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986. ĐH rút ra 4 bài học: Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN

- Thực hiện chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Năm phương án lớn phát triển kinh tế: bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kĩ thuật, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc; giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”.

Đại hội VI đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH.

*\* Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986-1991)*

Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn vào tháng 12-1991. Từ sau năm 1979, quân đội Trung Quốc vẫn còn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc. Ở trong nước khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra trầm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao đời sống khó khăn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật ở các lĩnh vực sau:

*Về kinh tế:*

Trong nông nghiệp nổi bật là Tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10/NQ *Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp,* đề ra cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Lần đầu tiên Luật đầu tư nước ngoài được thông qua có hiệu lực 1-1-1988

Trong công nghiệp, xóa bỏ chế độ tập trung bao cấp, chuyển các hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh XHCN.

Về phân phối lưu thông, Hội nghị TW 2 (4-1987) đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách, thực hiện bốn giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân. Mở rộng giao lưu hàng hóa, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông. Thực hiện cơ chế một giá, thực hiện chế độ lương thống nhất trong cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt bằng cách tăng thu, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực. Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh XHCN, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Về cải tạo XHCN, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Đến năm 1991 lạm phát từ 774,7% năm 1986 giảm còn 67,1%. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ, lương thực không những đủ ăn mà còn dư để xuất khẩu.

*Về chính trị:*

Hội nghị TW 6 khóa III (3-1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống chính trị,* đề ra những chủ trương cụ thể và xác định 6 nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới:

+ Đi lên CNXH là con đường tất yếu. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thưc hiện tốt hơn.

+ Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng. Đổi mới vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

+ Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

+ Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

+ Xây dựng nền dân chủ XHCN là mục tiêu, động lực của sự nghiệp xây dựng CNXH; dân chủ với nhân dân nhưng chuyên chính với kẻ thù

+ Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế XHCN, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Về tư tưởng:* Hội nghị TW 8 (3-1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc đề ra nhiệm vụ của Đảng ta. TW chỉ rõ nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu là do việc xây dựng mô hình CNXH còn một số nhược điểm và khuyết điểm: cải tạo XHCN nóng vội, hình thức sở hữu thiếu đa dạng; cơ chế quản lý tập trung nặng về hành chính mệnh lệnh và bao cấp, phủ nhận hoặc coi nhẹ kinh tế hàng hóa; hệ thống chính trị tập trung quan liêu làm suy yếu nền dân chủ XHCN và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Hai nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khủng hoảng; một là những quan điểm khuynh hướng sai lầm, hữu khuynh của một số người lãnh đạo Liên Xô trong quá trình cải tổ. Hai là, các thế lực đế quốc và phản động triệt để khai thác những sai lầm, khó khăn của các nước XHCN để tăng cường can thiệp phá hoại, thực hiện diễn biến hòa bình. Cuộc khủng hoảng này đã và đang tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta; làm một số người hoài nghi với CNXH, giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạtđộng chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình.

*Về đối ngoại:*

Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế; kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

*Công tác xây dựng Đảng:* Hội nghị TW 8 (3-1990) yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thế hóa kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới

***b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (1991-1996)***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng*

- Hoàn cảnh: Đại hội VII của Đảng họp tại Hà Nội (6-1991) với 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước. Điểm mới nổi bật của Đại hội thông qua *“Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” và “Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*”. Ban chấp hành Trung ương gồm 146 ủy viên chính thức do đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư.

- Nội dung “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH”:

+ Tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra 5 bài học lớn. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Hai là, sự nghiêp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Cương lĩnh nêu rõ xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản:

Do nhân dân lao động làm chủ.

Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Con người được giải phóng khỏi áp bức, bôc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Xác định 7 phương hướng lớn xây dựng CNXH:

Xây dựng Nhà nước XHCN.

Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm.

Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu.

Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Tiến hành cách mạng XHCN trên mọi lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

- “*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*” đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “ĐCS Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”.

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

*\* Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (1991-1996)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, BCH TW đã nhiều lần họp, chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, nổi bật trên những lĩnh vực sau:

- Về kinh tế

+ Trong nông nghiệp: Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, điểm mới trong chủ trương này là đề ra các quan điểm, nhiệm vụ xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, khơi dậy mọi tiềm năng nội lực của nông dân.

+ Trong công nghiệp: HN TW 7 (7/1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu lâu dài của CNH-HĐH là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Sau 5 năm, nhiều chỉ tiêu kế hoạch đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch 5,6-6-5%), lạm phát từ 67,1% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN

- Về đối ngoại, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và KHKT, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ.

Kết quả từ tháng 11-1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ. Ngày 28-7-1995 là thành viên của Asean. Ngày 11-7-1995 thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Ngày 28-7-1994 Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển 1982 của LHQ.

- Về xây dựng Đảng: Hội nghị TW 3(6-1992) lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng. Mục tiêu là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hôi VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu, nước mạnh giữ vững ổn định chính trị. Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng XHCN, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

*- Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kì (1-1994) của Đảng:*

+ Xác định thời cơ, thách thức của đất nước trong thời kỳ mới: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng XHCN nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau

+ Khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân do dân vì nhân dân do ĐCS lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế XHCN. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội.

**2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế 1996-2018**

***a. ĐHĐBTQ lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH (1996-2001)***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) của Đảng*

- Hoàn cảnh: Đại hội diễn ra từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, dự đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho 2.130.000 đảng viên trong cả nước. Đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng bí Thư. Đại hội diễn ra trong bối cảnh cách mạng khoa học công nghệ phát triển với trình độ cao, CNXH lâm vào thoái trào.

- Nội dung Đại hội: Đại hội bổ sung mục tiêu xây dựng CNXH là: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” và một số vấn đề trọng tâm sau:

+ Đại hội tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996): nhân dân Việt Nam đã giành những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, phá được thế bao vây cô lập nhưng vẫn là nước nghèo kém phát triển. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kì quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Đại hội nêu ra 6 bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:

Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trong quá trình đổi mới.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

*Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

*Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của dân tộc.

*Năm là*, mở rộng, hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân trên thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

+ Quan điểm về công nghiệp hóa trong thời kỳ mới:

*Một là*, giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

*Hai là*, CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

*Ba là*, lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

*Bốn là*, Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

*Năm là*, lấy hiệu qủa kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

*Sáu là*, kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

+ Về công tác xây dựng Đảng: Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ năng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỉ luật Đảng.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng đưa đất nước sang thời kì mới, đẩy mạnh CNH-HĐH xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo hướng XHCN. Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kì đổi mới.

*\* Bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH - HĐH (1996 - 2001)*

Quan điểm của Đảng: coi phát triển kinh tế là trọng tâm, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng XHCN. Đến năm 2000, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%.

Chủ trương của Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Trước tình hình mất dân chủ xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương vào năm 1997, tháng 2-1998 đã ban hành Quy chế dân chủ

Về giáo dục: xây dựng con người XHCN vừa “hồng” vừa “chuyên”. Phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, những tiến bộ khoa học công nghệ và củng cố quốc phòng an ninh.

Về văn hóa, tại Hội nghị TW 5 khóa VIII nhấn mạnh quan điểm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Nền văn hóa mà chúng ta đang xây dựng chính là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa ở Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Đảng đưa ra 10 nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển văn hóa: xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục đào tạo và KHCN; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa.

Nghị quyết TW 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kì CNH-HĐH.

***b. ĐHĐB toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước 2001-2006***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng*

**-** Hoàn cảnh:Đại hội IX của Đảng họp từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001 tại Hà Nội với 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.719 đảng viên trong cả nước. ĐH đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng trong đó có chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010; xác định rõ những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội họp mở đầu của thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

- Nội dung:

Khái quát những dấu ấn quan trọng trong thế kỷ XX trên thế giới và trong nước.

Đại hội khẳng định lại những bài học có giá trị quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước.

Đại hội khẳng định lại mục tiêu đi lên CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

ĐH làm rõ con đường phát triển lên CNXH ở nước ta:

Con đường phát triển quá độ lên CNXH của nước ta là bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN đặc biệt về KH và CN để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng CNXH bỏ qua TBCN là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp cho nên phải trải qua một thời kì quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kì quá độ có nhiều hình thức sở hữu về TLSX, nhiều thành phần kinh tế.

Quan hệ các giai cấp và tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp bảo vệ xây dụng tổ quốc.

Thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ lên CNXH. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; làm cho CN Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Về đối ngoại: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại, độc lập, tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển”.

*\* Tiếp tục đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước (2001-2006)*

+ Kinh tế tập thể còn nhiều mặt yếu kém, năng lực nội tại hạn chế, hiệu quả ít, kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong GDP

+ Kinh tế tư nhân còn nhiều hạn chế, yếu kém, quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu. Do đó, Đảng xác định coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài.

+ Công tác quản lý và sử dụng đất đai hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém và nhiều vấn đề bức xúc. Đất đai chưa được chuyển dịch hợp lý, hiệu quả sử dụng còn thấp. Tại Hội nghị TW 7 (3-2003) coi đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước, quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

+ Tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chếm yếu kém. Nội dung giáo dục tư tưởng HCM chưa thống nhất và chưa đạt được kết quả cao.

+ Khối đại đoàn kết dân tộc chưa thật bền chặt và đứng trước những thách thức mới

+ Do tác động của tình hình thế giới và hoạt động của các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước, tình hình nước ta có những diễn biến phức tạp hơn.

+ Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH đất nước theo định hướng XHCN. Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn.

***c. ĐHĐB toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện 2006-2011***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2001) của Đảng*

Đại hội họp từ ngày 18 đến 25-4-2006 tại Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng bí thư của Đảng. Chủ đề của Đại hội “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công tác đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”.*

Đại hội đã tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới và rút ra một số bài học.

Đại hội X có tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của CNXH mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991 là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ văn minh; có Nhà nước pháp quyền XHCN.

Đại hội X, lần đầu tiên đặt chú trọng hàng đầu đến nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Quan điểm nổi bật của đại hội X là cho phép Đảng viên làm kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân nhưng yêu cầu phải tuân thủ điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và quy định, pháp luật của Nhà nước đồng thời nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên. Đây là chủ trương đúng đắn và phù hợp với thực tế.

Nội dung mới thứ hai trong chủ đề của Đại hội là “*phát huy sức mạnh toàn dân tộc”*. Như vậy, đã xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Điểm mới của Đại hội là chỉ ra nhiều biện pháp, hình thức, nhằm phát huy dân chủ, có chính sách bảo vệ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

Nội dung mới thứ ba của chủ đề Đại hội là “*đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”*. Tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh CNH-HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

*\* Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X (2006-2010)*

Đại hội X đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật:

+ Tháng 2-2007, tại hội nghị TW4, Đảng ban hành Chiến lược phát triển biển Việt Nam đến năm 2020. Đảng nhận định: thế kỉ XXI được thế giới xem là thế kỉ của đại dương. Quan điểm chỉ đạo của Đảng: nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả so với tầm nhìn dài hạn

+ Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng vẫn còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Hê thống pháp luật còn chưa đồng bộ và thống nhất.

+ Hội nghị TW 7 (2008) đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH, HĐH đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực. Kết quả sau 5 năm (2005-2010) tốc độ GDP bình quân đạt 7%. Năm 2008 Việt Nam đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

+ Hội nghị TW 6 (1-2008) xác định Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự, tích cực chủ động phòng ngừa là chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng

+ Ngày 29/5/2008, Quốc hội khóa XII đã ra nghị quyết về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội kể từ ngày 01-8-2008. Đây là một quyết định đúng đắn và phù hợp với các điệu kiện địa lý, lịch sử, văn hóa truyền thống; phát huy đầy đủ các chức năng.

+ Hội nghị TW 6, khóa X (8-2007) xác định: kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là ĐCS Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

+ Đảng cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng tác động trực tiếp đến sự phát triển của đất nước. Quan điểm của TW là: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng chế độ trách nhiệm cá nhân nhất là người đứng đầu.

+ Xác định Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng CNXH. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

+ Nhận thức sâu sắc hiền tài là nguyên khí quốc gia nên Đảng và Nhà nước luôn coi trọng, quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách phát triển đội ngũ trí thức, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức phát triển. Quan điểm của TW: Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt qua trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Văn học, nghệ thuật quan điểm chỉ đạo là: văn học nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam

+ Đối ngoại: Tháng 11-2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO, đây là một dấu mốc quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, mở ra nhiều thuận lợi mới cho đất nước nhưng cùng với đó là những thách thức. Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó đối tác lớn nhất là Trung Quốc với 25 tỉ USD thương mại 2 chiều và với Mỹ là 16 tỉ USD.

Hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc, bước đầu đàm phán phận định vùng biển ngoài khơi vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc. Phát triển quan hệ đặc biệt với Lào, hợp tác toàn diện và hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia. Nhiều công trình văn hóa được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

***d. ĐHĐB toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng*

Đại hội họp tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011, tham dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên trong cả nước. Nội dung chính của Đại hội là thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH* *(bổ sung phát triển năm 2011)*. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội diễn ra trong hoàn cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Cả nước vừa kỉ niệm 10000 năm Thăng Long - Hà Nội. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động, bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình”.

*\* Cương lĩnh năm 2011*, có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và khẳng định 5 bài học kinh nghiệm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân do nhân dân vầ vì nhân dân

Ba là, không ngừng củng cố tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ **đảm bảo** bằng từ **quyết định** ở bài học thứ năm; bổ sung và phân tích ở bài học thứ hai: “quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất không lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ XHCN và của Đảng.

*Về quá trình đi lên CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới:*

- Về đặc điểm, xu thế chung: cuộc CMKH&CN, kinh tế tri thức, và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục phát triển

- Đánh giá về CNXH: Liên Xô và các nước XHCN đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa của phong trào hòa bình và cách mạng thế giới. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng thế giới.

- Về mô hình, mục tiêu, phương thức cơ bản

Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ, “Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân do ĐCS lãnh đạo, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Trong các đặc trưng ngoài đặc trưng “có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” không đổi. Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân do nhân dân vì nhân dân do ĐCS lãnh đạo

Cương lĩnh nhấn mạnh, quá trình xây dựng CNXH là quá trình cách mạng sâu sắc triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất định phải trải qua một thời kì quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN và chỉ rõ 8 phương thức cơ bản xây dựng CNXH ở nước ta.

- Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Phát triển kinh tế được xác định là nhiệm vụ trọng tâm

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Do đó, giáo dục đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Mục tiêu nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, giữ vững hòa bình ổn định chính trị, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do ĐCS Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các pháp quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp.

Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định: Đảng lấy CN Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Cương lĩnh bổ sung làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng: ĐCS Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của Đảng viên.

Quan hệ Đảng với nhân dân: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về xây dựng Đảng: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

*Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020*, Đại hội nhấn mạnh: phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Ba bước đột phá chiến lược: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nhanh nguồn lực nhất là nguồn lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân

- Định hướng phát triển kinh tế, xã hội: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện tốt chức năng Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhanh dân

Đại hội XI đã kiểm điểm 5 năm thực hiện nghị quyết đại hội X (2001-2010); và 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và nêu ra 5 bài học kinh nghiệm mới.

*\* Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2016)*

- Hội nghị TW 4 (01-2012), chủ trương xây dựng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. TW nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước. Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

- Quan điểm của TW là: doanh nghiệp Nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng vật chất quan trọng, là công cụ hỗ trợ Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô

- Về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Từ năm 2011-2015, TW đã tổ chức học tập theo các chủ đề khác nhau về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào việc phấn đấu rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân…

- TW xác định, phòng chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả, chỉ đạo thực hiện tốt 3 vấn đề cấp bách: Một là, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của Đảng viên và quần chúng nhân dân đối với Đảng. Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp TW, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Ba là, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan đơn vị, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong ba vấn đề nêu trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm xuyên suốt và cấp bách nhất.

- Về công tác dân vận, hội nghị TW 7 (5-2013) quan điểm chỉ đạo là: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ. Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân. Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước, trong sách, vững mạnh. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt.

- Hội nghị TW 6 (10-2012) ra Nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Hội nghị TW 8 (11-2013) ra Nghị quyết về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Cái mới của Nghị quyết này không chỉ ở nhận thức mà cả trong chỉ đạo thực tiễn phải coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

- Hội nghị TW 9, khóa XI (5-2014), quan điểm chủ trương của TW: văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa

- Hội nghị TW 7 (6-2016) ra Nghị quyết về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hội nghị TW 8 khóa XI (10-2013) ra Nghị quyết “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

***e. ĐHĐB toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế***

*\* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng*

Đại hội họp từ ngày 21 đến ngày 28-1-2016. Chủ đề của đại hội là: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ XHCN, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tham dự có 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu lại làm Tổng bí thư của Đảng.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội XI (2011-2016) đại hội rút ra 5 bài học kinh nghiệm

Đại hội XII nhấn mạnh cần đẩy mạnh toàn diện đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững, đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo 6 nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

- Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, linh hoạt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

- Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện 3 bước đột phá chiến lược

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, tăng cường quản lý phát triển xã hội

- Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

*\* Đảng tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu*

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả kinh tế, xã hội và môi trường. Chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu KH-CN của nhân loại, mọi tiềm năng lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước.

- Hội nghị TW 4, khóa XII (10-2016) đã chủ trương: thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Quan điểm chỉ đạo của TW là: kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hội nghị TW 5 (5-2017) chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Quan điểm chỉ đạo của TW là: xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một nhiệm vụ chiến lược, là một khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Hội nghị TW 5 khóa XII (5-2017) chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

**3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới**

***a. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới***

- Kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

- Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Xây dựng các ngành công nghiệp hiện đại, dầu khí, điện với các nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình, Sơn La, Trị An, Tuyên Quang, Lai Châu và nhiều nhà máy nhiệt điện.

- Về văn hóa-xã hội, quyền tự do sáng tạo, quảng bá văn hóa, văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm thực hiện. Giao lưu hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng.

- Giải quyết các vấn đề xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng: các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mỗi năm bình quân tạo ra 1,5-1,6 triệu việc làm mới. Đã tiến hành chuẩn nghèo theo từng thời kì phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hôi của đất nước. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam được Liên Hợp quốc và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Chính sách ưu đãi người có công đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

- Việc kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng và tổ quốc; kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng khu kinh tế-quốc phòng có chuyển biến quan trọng; nhất là kết quả về hoàn thành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ; phân định ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; từng bước hoàn thiện việc phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ với Lào và Campuchia

- Đối ngoại đạt được nhiều thành tựu mới. Từ định hướng coi “đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại”; từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sáng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” trong cộng đồng quốc tế. Từ “phá thế bao vây, cấm vận” tiến đến “hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới” và tiếp theo là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế một cách toàn diện.

Đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN; xác định đây là một trong tám đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam.

***b. Một số hạn chế***

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

- Nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả, còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

- Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

- Vẫn tiềm ẩn nguy cơ: “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới tinh vi và thâm độc chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên nhà nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

***c. Nguyên nhân***

- Về khách quan: đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn phức tạp chưa có trong tiền lệ lịch sử. Tình hình thế giới và khu vưc có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phàn động và cơ hội chính trị

- Về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi bổ sung.

Việc quản lý giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu câu, chưa tạo được sự thống nhất cao trong về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ, chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế

***d. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới***

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam

Hai là, đổi mới phải luôn quán triệt “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

**Thảo luận**

1. Quá trình thực hiện Đường lối của Đại hội VI
2. Những thành tựu đạt được sau khi thực hiện Đường lối đổi mới của Đại hội VI (1986).
3. Vai trò của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

**KẾT LUẬN**

1. **Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam**

* Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ lịch sử, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử Đảng của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước (1911-1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Với quá trình chuẩn bị đầy đủ điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đến năm 1930 Đảng cộng sản Việt Nam thành lập và thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Từ năm 1930-1945, Đảng lãnh đạo các phong trào cách mạng dẫn tới thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.
* Sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng lãnh đạo toàn dân từng bước đánh bại các âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, buộc Pháp phải ký Hiệp định Geneve (7-1954), các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.
* Thực dân Pháp rút hết quân về nước, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam xây dựng chế độ thực dân kiểu mới, thông qua chính quyền tay sai, hòng chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Từ năm (1954-1975), Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện 2 chiến lược cách mạng, cách mạng XHCN và cách mạng DTDCND. Với đỉnh cao chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh, đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất.
* Những năm 1975-1986, Đảng từng bước đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, chính sách, khảo nghiệm thực tiễn để tìm con đường đổi mới đất nước.
* Năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã xác định đường lối đổi mới toàn diện cả về cơ chế, chính sách kinh tế, hệ thống chính trị, các chính sách xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
* Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam.

1. **Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.**

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị cuả thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quan chủ phong kiến chuyên chế. Cách mạng tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích cuả các giai cấp với lợi ích của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

1. **Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc:**

* Đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoàn bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH**

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996) đẩy mạnh CNH-HĐH ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước CNH theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng.

1. **Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng**
2. **Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đao của Tổ quốc và xây dựng thành công CNXH.

1. **Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân**

* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác Lênin về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân.
* Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. **Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.**

* Xuất phát từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của đoàn kết. Đối với Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
* Trên thực tế, nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng tháng tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giưới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mưới, xây dưngj, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

1. **Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.**

Cách mạng Tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng XHCN, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài.

1. **Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.**

* Theo các nhà kinh điển, Đảng cộng sản phải được trang bị lý luận tiền phong, khoa học, có Cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản với kỷ luật chặt chẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng quần chúng.
* Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH. Lấy CN MLN, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.
* ***Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng cộng sản.***
* Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì dân, vì nước, với sự hi sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng. Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất nhận thức, ý chí, hành động. Truyền thống tự phê bình, phê bình nghiêm túc và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém. Truyền thống gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Truyền thống rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.
* Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tôn vinh sự hi sinh anh dùng của các thế hệ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, của đồng bào cả nước trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo.
* Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (10-2016) khẳng định: “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày hôm nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hi sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đạii, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”